ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN HÒA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 942/QĐ-UBND	*Tân Hòa, ngày 05 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp cụm hẻm 730/2, 730/98, 752 Lạc Long Quân; 58, 86/44, 86/52 Âu Cơ và các hẻm nhánh, phường Tân Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ: Quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

Căn cứ Thông tư số 32/2026/TT-BXD ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 34/2026/TT-BXD ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 40/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 41/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 22/2025/QĐ-CTUBND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn các chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 3732/UBND-DA ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về danh mục dự án và dự kiến mức vốn hỗ trợ cho các xã, phường, đặc khu trong dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 487/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về kế hoạch đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3418/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4221/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nguồn vốn ngân sách địa phương của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4570/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2026 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh chuyển đổi theo quy định tại Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông báo số 28977/TB-SXD-VLXD ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh tháng 7/2026;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000, Khu dân cư Phường 6, quận Tân Bình, diện tích 57,24 ha;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000, Khu dân cư Phường 8, quận Tân Bình, diện tích 40,04 ha;

Căn cứ Quyết định số 1059/QĐ-UBND ngày 17 tháng 09 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000, Khu dân cư Phường 9, quận Tân Bình, diện tích 50,16 ha;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Hội đồng nhân dân lâm thời phường Tân Hòa về thông qua danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 nguồn vốn ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Hội đồng nhân dân lâm thời phường Tân Hòa về kế hoạch đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 12 tháng 03 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Tân Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp cụm hẻm 730/2, 730/98, 752 Lạc Long Quân; 58, 86/44, 86/52 Âu Cơ và các hẻm nhánh, phường Tân Hòa;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 17 tháng 03 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Tân Hòa về việc giao Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu cho phường Tân Hòa;

Xét Tờ trình số 14/TTr-VP ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân về đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án Cải tạo, nâng cấp cụm hẻm 730/2, 730/98, 752 Lạc Long Quân; 58, 86/44, 86/52 Âu Cơ và các hẻm nhánh, phường Tân Hòa và hồ sơ đính kèm.

Xét hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật do Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Lộc An Phú lập tháng 8 năm 2026 đối với dự án Cải tạo, nâng cấp cụm hẻm 730/2, 730/98, 752 Lạc Long Quân; 58, 86/44, 86/52 Âu Cơ và các hẻm nhánh, phường Tân Hòa;

Xét Kết quả thẩm tra số 17/BCTT.2026 ngày 06 tháng 08 năm 2026 do Công ty Cổ phần Lộc Phát Lộc Phát về hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án Cải tạo, nâng cấp cụm hẻm 730/2, 730/98, 752 Lạc Long Quân; 58, 86/44, 86/52 Âu Cơ và các hẻm nhánh, phường Tân Hòa;

Xét Công văn số 577/KTHTĐT ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị về thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án Cải tạo, nâng cấp cụm hẻm 730/2, 730/98, 752 Lạc Long Quân; 58, 86/44, 86/52 Âu Cơ và các hẻm nhánh, phường Tân Hòa;

Xét Tờ trình số 121/TTr-KTHTĐT ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị về việc trình phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp cụm hẻm 730/2, 730/98, 752 Lạc Long Quân; 58, 86/44, 86/52 Âu Cơ và các hẻm nhánh, phường Tân Hòa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp cụm hẻm 730/2, 730/98, 752 Lạc Long Quân; 58, 86/44, 86/52 Âu Cơ và các hẻm nhánh, phường Tân Hòa với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp cụm hẻm 730/2, 730/98, 752 Lạc Long Quân; 58, 86/44, 86/52 Âu Cơ và các hẻm nhánh, phường Tân Hòa.

2. Nhóm dự án, loại và cấp công trình chính của dự án, thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Nhóm: C.

- Loại công trình: Công trình giao thông.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Thời hạn sử dụng của công trình theo thiết kế: 15 năm.

3. Mã định danh (theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng): Chưa có (Dự án đầu tư xây dựng sẽ được cấp và quản lý mã số thông tin theo đúng lộ trình số hóa quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 904/QĐ-BXD ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Bộ Xây dựng về việc triển khai hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng).

4. Địa điểm xây dựng dự án: phường Tân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Tân Hòa.

6. Tên cơ quan chuẩn bị dự án và các thông tin để liên hệ:

- Chủ đầu tư: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

- Địa chỉ: 356A Bắc Hải, phường Tân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Thông tin các nhà thầu tư vấn tham gia thực hiện dự án:

7.1 Nhà thầu tư vấn Quản lý dự án:

- Công ty Cổ phần Tư vấn - Đầu tư - Xây dựng Trung Nam.

+ Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp mã số 0304719251 cấp lần đầu ngày 09 tháng 11 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 vào ngày 25 tháng 7 năm 2022. Có ngành nghề kinh doanh phù hợp với công trình.

+ Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HCM-00007414, do Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/3/2021: Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp; giao thông (cầu; đường bộ) - Hạng III.

+ Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BAL-00129241, do Sở Xây dựng tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 13/6/2024: Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông - Hạng II.

7.2 Nhà thầu Tư vấn khảo sát xây dựng:

- Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tư vấn An Thảo

+ Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp mã số 0312806772 cấp lần đầu ngày 04 tháng 6 năm 2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 vào ngày 20 tháng 8 năm 2025. Có ngành nghề kinh doanh phù hợp với công trình.

+ Chứng chỉ số HCM-00007830, do Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/11/2022: Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình - Hạng III:

+ Chứng chỉ năng lực hoạt động số HNT-00033537, do Hiệp hội các nhà thầu xây dựng Việt Nam cấp ngày 05/8/2022: Khảo sát địa hình - Hạng II.

7.3 Nhà thầu Giám sát khảo sát xây dựng:

- Công ty Cổ phần Lộc Phát Lộc Phát.

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0308082862 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 3 năm 2009 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04 tháng 8 năm 2025. Có ngành nghề kinh doanh phù hợp với công trình.

+ Chứng chỉ năng lực hoạt động số HCM-00050401, do Sở xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/9/2023: Khảo sát địa hình – Khảo sát địa chất công trình: Hạng III.

7.4 Nhà thầu tư vấn lập lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và Thiết kế bản vẽ thi công:

- Công ty TNHH MTV Xây dựng Lộc An Phú.

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307779442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2009 đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 13 tháng 8 năm 2025. Có ngành nghề kinh doanh phù hợp với công trình.

+ Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HCM-00008944 do Sở xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 4 năm 2023: Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình Giao thông (đường bộ), phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thuỷ lợi): Hạng II.

7.5 Nhà thầu tư vấn Thẩm tra thiết kế và dự toán:

- Công ty Cổ phần Lộc Phát Lộc Phát.

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0308082862 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 3 năm 2009 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04 tháng 8 năm 2025. Có ngành nghề kinh doanh phù hợp với công trình.

+ Chứng chỉ năng lực hoạt động số HCM-00050401, do Sở xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/9/2023: Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng, nhà công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật (cấp nước; thoát nước; xử lý chất thải) Giao thông (đường bộ; cầu), phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thuỷ lợi): Hạng III.

8. Mục tiêu dự án: Nhằm đầu tư cải tạo, nâng cấp đồng bộ mặt đường kết hợp xây dựng hệ thống thoát nước, góp phần hoàn chỉnh mạng lưới giao thông và hạ tầng kỹ thuật khu vực theo định hướng quy hoạch chung. Dự án không chỉ giải quyết tình trạng ngập úng, đảm bảo an toàn giao thông mà còn tạo động lực phát triển kinh tế - văn hóa, chỉnh trang mỹ quan đô thị. Qua đó, nâng cao chất lượng cuộc sống, cải thiện môi trường sống và góp phần chuyển biến tích cực trong ý thức của người dân về bảo vệ hạ tầng đô thị.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

- Tổng diện tích sử dụng đất: 8.301,53m².

- Tổng chiều dài tuyến: 1.918,88m; gồm có 20 nhánh:

9.1. Phạm vi công trình.

- Nhánh 1: Hẻm 730/2 Lạc Long Quân

+ Điểm đầu: Giao với hẻm 730 Lạc Long Quân.

+ Điểm cuối: Giáp nhà số 730/2/35 Lạc Long Quân.

+ Chiều dài tuyến: 91,00m.

- Nhánh 2: Hẻm 730/2/20 Lạc Long Quân

+ Điểm đầu: Giao với hẻm 730/2 Lạc Long Quân.

+ Điểm cuối: Giáp với nhà số 700/1 Lạc Long Quân.

+ Chiều dài tuyến: 28,00m.

- Nhánh 3: Hẻm 58 Âu Cơ:

+ Điểm đầu: Giao với đường Âu Cơ.

+ Điểm cuối: Giáp nhà số 58/35/6 Âu Cơ.

+ Chiều dài tuyến: 169,50m.

- Nhánh 4: Đường Trần Văn Hoàng

+ Điểm đầu: Giáp nhà số 2 Trần Văn Hoàng.

+ Điểm cuối: Giao với đường Nguyễn Thị Nhỏ.

+ Chiều dài tuyến: 282,50m.

- Nhánh 5: Hẻm nhánh đường Trần Văn Hoàng

+ Điểm đầu: Giao với đường Trần Văn Hoàng.

+ Điểm cuối: Giao với đường Nguyễn Thị Nhỏ.

+ Chiều dài tuyến: 70,00m.

- Nhánh 6: Hẻm 752 Lạc Long Quân

+ Điểm đầu: Giao với đường Lạc Long Quân.

+ Điểm cuối: Giao với hẻm 18 Trần Văn Hoàng.

+ Chiều dài tuyến: 365,00m.

+ Nhánh 7: Hẻm 752/40 Lạc Long Quân.

+ Điểm đầu: Giao với hẻm 752 Lạc Long Quân.

+ Điểm cuối: Giáp với nhà 752/38/35 Lạc Long Quân.

+ Chiều dài tuyến: 114,60m.

- Nhánh 8: Hẻm 752/76 Lạc Long Quân

+ Điểm đầu: Giao với hẻm 752 Lạc Long Quân.

+ Điểm cuối: Giao với hẻm 752/40 Lạc Long Quân.

+ Chiều dài tuyến: 35,50m.

- Nhánh 9: Hẻm 144 Âu Cơ

+ Điểm đầu: Giao với đường Âu Cơ.

+ Điểm cuối: Giáp nhà số 86/38/1.

+ Chiều dài tuyến: 186,00m.

- Nhánh 10: Hẻm 254/49 Âu Cơ

+ Điểm đầu: Giao với hẻm 254 Âu Cơ.

+ Điểm cuối: Giáp với nhà số 254/49/17 Âu Cơ.

+ Chiều dài tuyến: 40,93m.

- Nhánh 11: Hẻm 254/49/1 Âu Cơ

+ Điểm đầu: Giao với hẻm 254/49 Âu Cơ.

+ Điểm cuối: Giáp nhà số 254/45/1D Âu Cơ.

+ Chiều dài tuyến: 19,64m.

- Nhánh 12: Hẻm 254/63 Âu Cơ

+ Điểm đầu: Giao với hẻm 254 Âu Cơ.

+ Điểm cuối: Giáp với nhà số 254/63/27 Âu Cơ.

+ Chiều dài tuyến: 118,95m.

- Nhánh 13: Hẻm 254/63/1 Âu Cơ

+ Điểm đầu: Giao với hẻm 254/63.

+ Điểm cuối: Giáp nhà số 254/63/2B.

+ Chiều dài tuyến: 22,93m.

- Nhánh 14 đoạn 1: Hẻm 730/98 Lạc Long Quân

+ Điểm đầu: Giao với hẻm 730 Lạc Long Quân.

+ Điểm cuối: Giáp với nhà 86/99/4 Âu Cơ.

+ Chiều dài tuyến: 121,00m.

- Nhánh 14 đoạn 2: Hẻm 730/98/10 Lạc Long Quân

+ Điểm đầu: Giao với hẻm 730/98 Lạc Long Quân.

+ Điểm cuối: Giao với hẻm 730/98/10D Lạc Long Quân.

+ Chiều dài tuyến: 24,00m.

- Nhánh 14 đoạn 3: Hẻm 730/98/20 Lạc Long Quân

+ Điểm đầu: Giao với hẻm 730/98 Lạc Long Quân.

+ Điểm cuối: Giáp nhà số 730/98/10E Lạc Long Quân.

+ Chiều dài tuyến: 28,00m.

- Nhánh 15: Hẻm 672 Lạc Long Quân

+ Điểm đầu: Giao với đường Lạc Long Quân.

+ Điểm cuối: Giáp với nhà số 672/11 Lạc Long Quân.

+ Chiều dài tuyến: 63,00m.

- Nhánh 16: Hẻm 752/98/2 Lạc Long Quân

+ Điểm đầu: Giao với hẻm 752 Lạc Long Quân.

+ Điểm cuối: Giáp với nhà số 752/74/7 Lạc Long Quân.

+ Chiều dài tuyến: 25,90m.

- Nhánh 17: Hẻm 690 Lạc Long Quân

+ Điểm đầu: Giao với đường Lạc Long Quân.

+ Điểm cuối: Giáp với nhà số 690/7 Lạc Long Quân.

+ Chiều dài tuyến: 31,00m.

- Nhánh 18: Hẻm 700 Lạc Long Quân

+ Điểm đầu: Giao với đường Lạc Long Quân.

+ Điểm cuối: Giáp với nhà số 700/12 Lạc Long Quân.

+ Chiều dài tuyến: 75,50m.

- Nhánh 19: Hẻm 86/44 Âu Cơ

+ Điểm đầu: Giao với hẻm 86 Âu Cơ.

+ Điểm cuối: Giáp với nhà số 86/42/7 Âu Cơ.

+ Chiều dài tuyến: 32,00m.

- Nhánh 20: Hẻm 86/52 Âu Cơ

+ Điểm đầu: Giao với hẻm 86 Âu Cơ.

+ Điểm cuối: Giáp với nhà số 86/52/7 Âu Cơ.

+ Chiều dài tuyến: 33,50m.

9.2 Giải pháp thiết kế hạng mục giao thông.

- **Bình đồ tuyến:** Hướng tuyến các tuyến đường hẻm cải tạo, nâng cấp theo hiện trạng nên tim tuyến chủ yếu bám theo hiện trạng nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng đến dân sinh và để giữ lại nhiều nhất có thể các công trình kỹ thuật.

- Trắc dọc thiết kế:

+ Đảm bảo đủ chiều dày kết cấu áo đường nâng cấp;

+ Hài hòa với cao độ nhà dân hiện hữu trên tuyến;

+ Phù hợp cao độ san nền quy hoạch;

+ Phù hợp với cao độ san nền quy hoạch chung quận Tân Bình

- Mặt cắt ngang thiết kế:

+ Xây mới 1346,79m mặt đường bê tông nhựa theo hiện trạng rộng trung bình 5m. Mặt đường nhựa hai mái với độ dốc ngang 2%, dốc từ tim đường ra hai bên mép đường;

+ Xây mới 629,36m mặt đường bê tông xi măng theo hiện trạng rộng trung bình 2,8m. Mặt đường hai mái với độ dốc ngang 2%, dốc từ mép đường vào tim đường;

+ Xây mới bó vỉa BTXM đá 1x2 B22,5 (M300) rộng 0,35m hai bên tuyến;

+ Xây mới bó vỉa BTXM đá 1x2 B22,5 (M300) rộng 0,45m hai bên tuyến (nhánh 4 và nhánh 5);

+ Xây mới vỉa hè BTXM rộng từ 0,00m ÷ 5,10m. Vỉa hè có độ dốc ngang 1%, dốc từ nhà dân ra đường;

9.3 Giải pháp thiết kế hạng mục thoát nước.

- Xây mới cống dọc D1500, D1000, D800, D600, D400 và cống ngang D300 đảm bảo lưu vực thoát nước dự án;

- Xây mới hầm ga BTXM kích thước 1,6m x 2,4m, 1,6m x 1,9m, 1,4m x 1,4m, 1,2m x 1,2m cho cống dọc D1500, D1000, D800, D600 và D400. Xây mới hầm ga BTXM kích thước 0,7m x 1,0m cho cống ngang D300;

- Hạ nguồn thoát nước:

+ Nhánh 1, 2 thoát nước về cống D600 trên hẻm 730 Lạc Long Quân.

+ Nhánh 3 thoát về cống D600 của đường Âu Cơ.

+ Nhánh 4 thoát nước về cống D600 trên đường Nguyễn Thị Nhỏ.

+ Nhánh 5 thoát nước về cống D1000 của đường Nguyễn Thị Nhỏ.

+ Nhánh 6 thoát nước về cống D1200 của hẻm 13 Trần Văn Hoàng.

+ Nhánh 7 thoát nước về cống D600 của hẻm 730 Lạc Long Quân.

+ Nhánh 8 thoát nước về cống D600 của hẻm 730 Lạc Long Quân.

+ Nhánh 9 thoát nước về cống D600 trên đường Âu Cơ.

+ Nhánh 10 thoát nước về cống D1000 của hẻm 254 Âu Cơ.

+ Nhánh 11 thoát nước về cống D1000 của hẻm 254 Âu Cơ.

+ Nhánh 12 thoát nước về cống D600 của hẻm 54 Âu Cơ.
+ Nhánh 13 thoát nước về cống D600 của hẻm 54 Âu Cơ.
+ Nhánh 14 đoạn 1 thoát nước về cống D600 của hẻm 730 Lạc Long Quân.
+ Nhánh 14 đoạn 2 thoát về cống D600 của hẻm 730/98 Lạc Long Quân.
+ Nhánh 14 đoạn 3 thoát về cống D400 của hẻm 730/98 Lạc Long Quân.
+ Nhánh 15 thoát nước về cống D600 trên đường Lạc Long Quân.
+ Nhánh 16 thoát nước về cống D600 của hẻm 752 Lạc Long Quân.
+ Nhánh 17 thoát nước về cống D600 trên đường Lạc Long Quân.
+ Nhánh 18 thoát nước về cống D600 trên đường Lạc Long Quân.
+ Nhánh 19 thoát nước về cống D600 của hẻm 86 Âu Cơ.
+ Nhánh 20 thoát nước về cống D600 của hẻm 86 Âu Cơ.

- Khối lượng công tác thực hiện:

+ Hầm ga 1,6m x 2,4m BTXM nắp gang xây mới : 05 cái
+ Hầm ga 1,6m x 1,9m BTXM nắp gang xây mới : 02 cái
+ Hầm ga 1,4m x 1,4m BTXM nắp gang xây mới : 02 cái
+ Hầm ga 1,2m x 1,2m BTXM nắp gang xây mới : 149 cái
+ Hầm ga 1,0m x 1,0m BTXM nắp gang xây mới : 04 cái
+ Hầm ga 0,65m x 1,3m BTXM lưới chắn rác xây mới : 06 cái
+ Hầm ga 0,7m x 1,0m BTXM lưới chắn rác xây mới : 104 cái
+ Cống dọc D1500 xây mới : 71,0m
+ Cống dọc D800 xây mới : 19,5m
+ Cống dọc D600 xây mới : 816,0m
+ Cống D400 xây mới : 963,5m
+ Cống ngang D300 xây mới : 255,5m

9.4 Qui mô kết cấu mặt đường, vỉa hè:

- Kết cấu áo đường xây mới:

+ Trải cán bê tông nhựa chặt 9,5 dày 7cm, K>=0,98.
+ Tưới thấm bám nhũ tương CSS-1H, tiêu chuẩn 1kg/m².
+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I Dmax=25mm, dày 12,5cm, K≥0,98.
+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I Dmax=25mm, dày 12,5cm, K≥0,98.
+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I Dmax=37,5mm, dày 15cm, K≥0,98.
+ Nền đào (hoặc đá mi) đầm chặt, K ≥ 0,98.

- Kết cấu áo đường nâng cấp:

+ Trải cán bê tông nhựa chặt 9,5 dày 5cm, K ≥ 0,98.

+ Tưới dính bám nhũ tương CRS-1, tiêu chuẩn 0,5kg/m².

+ Bù vênh bê tông nhựa chặt 9,5 dày trung bình 3,92cm, K ≥ 0,98.

+ Tưới dính bám nhũ tương CRS-1, tiêu chuẩn 0,5kg/m².

- Kết cấu áo đường mở rộng:

+ Trải cán bê tông nhựa chặt 9,5 dày 5cm, K ≥ 0,98.

+ Tưới dính bám nhũ tương CRS-1, tiêu chuẩn 0,5kg/m².

+ Trải cán bê tông nhựa chặt 9,5 dày 5cm, K ≥ 0,98.

+ Tưới thấm bám bằng nhũ tương CSS-1H tiêu chuẩn 1kg/m².

+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I Dmax=25mm dày 12,5cm, K ≥ 0,98.

+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I Dmax=25mm dày 12,5cm, K ≥ 0,98.

+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I Dmax=37,5mm dày 15cm, K ≥ 0,98.

+ Nền đào đầm chặt K ≥ 0,98.

- Kết cấu áo đường tái lập phui đào cống:

+ Trải cán bê tông nhựa chặt 9,5 dày 5cm, K ≥ 0,98 đến cao độ tự nhiên.

+ Tưới thấm bám bằng nhũ tương CSS-1H tiêu chuẩn 1kg/m2.

+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I Dmax=25mm dày 12,5cm, K ≥ 0,98.

+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I Dmax=25mm dày 12,5cm, K ≥ 0,98.

+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I Dmax=37,5mm dày 15cm, K ≥ 0,98.

+ Đá mi đầm chặt K ≥ 0,98.

- Kết cấu áo đường bê tông xi măng:

+ Trải cán bê tông xi măng đá 1x2 B22,5 (M300) dày 18cm.

+ Trải giấy dầu ngăn cách nền đường.

+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I Dmax=25mm, dày 15cm, K>=0,98.

+ Nền đào đầm chặt K ≥ 0,95

- Kết cấu áo đường vuốt nối:

+ Trải cán bê tông nhựa chặt 9,5 dày 5cm, K ≥ 0,98.

+ Tưới dính bám nhũ tương CRS–1 tiêu chuẩn 0,5kg/m².

- Kết cấu vỉa hè bê tông xi măng:

+ Trải cán bê tông xi măng đá 1x2 B15(M200) dày 7cm;

+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I dày 10cm, K>=0,95;

+ Nền đào (đắp) đầm chặt, K>=0,90.

- Kết cấu vỉa hè terazo:

+ Lát gạch terazo 40x40x3 (cm), vữa đệm M75 dày 1,5cm;

+ Trải cán bê tông xi măng đá 1x2 M200 dày 5cm;

+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I dày 10cm, K>=0,95.

- Kết cấu bó vỉa:

+ Bó vỉa 0,35m có lòng máng rộng 0,15m, có cao độ đỉnh bó vỉa cao hơn cao độ mép đường tại vị trí đặt bó vỉa là 0,10m. Bó vỉa bằng bê tông xi măng đá 1x2 B22,5(M300) đổ tại chỗ, tùy theo vị trí bó vỉa vướng các công trình hạ tầng kỹ thuật (trụ điện, trụ cứu hỏa, cây xanh,..) khoảng cách khoảng 2m bố trí khe rộng 3mm.

+ Tại vị trí hầm ga lắp lưới chắn rác sử dụng bó vỉa bê tông đá 1x2 B22,5 (M300) rộng 0,20m.

+ Bó vỉa 0,45m: bằng bê tông đá 1x2 B22,5(M300) dạng vát đứng loại 5 (theo Quyết định số 1762/QĐ-SGTVT ngày 18/6/2009 của Sở Giao Thông Vận Tải thành phố Hồ Chí Minh, bên dưới là bê tông lót móng đá 1x2 B15(M200) dày 6 cm. Khoảng 2m bố trí khe rộng 3mm;

+ Tại các điểm giao ngã ba (ngõ hẻm), cổng cơ quan, vị trí vạch sơn cho người đi bộ qua đường .... bố trí bó vỉa vát loại 7 cho người tàn tật tiếp cận sử dụng.

+ Tại vị trí hầm ga sát mép bó vỉa 0,45m lắp mới bộ bó vỉa thu nước bằng gang cầu, bên dưới là miệng thu nước bằng bê tông xi măng đá 1x2 B22,5 (M300).

10. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

A	TIÊU CHUẨN KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH	
1	Đường ô tô – tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31 : 2020/TCĐBVN
2	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng	QCVN 02:2022/BXD
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ	QCVN 04:2009/BTNMT
4	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao	QCVN 11:2008/BTNMT
5	Khảo sát xây dựng – Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419-1987

6	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398-2012
7	Ký hiệu bản đồ địa hình tỉ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000 và 1:5000	QĐ1125/ĐĐBĐ
8	Ký hiệu của bản đồ địa hình quốc gia tỉ lệ 1:2.000, 1:5.000	TT 19/2019/TT-BTNMT
9	Đo vẽ bản đồ địa hình 1:500, 1:1000, 1:2000 và 1:5000 (Phần ngoài trời) do cục đo đạc và bản đồ nhà nước ban hành	96 TCN 43-90
B	**TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ**	
1	Quy chuẩn Quốc gia về quy hoạch xây dựng	QCVN 01:2021/BXD
2	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật	QCVN 07-01:2023/BXD QCVN 07-02:2023/BXD QCVN 07-04:2023/BXD
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT
4	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	QCVN 16:2023/BXD
5	Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật	QCVN 07:2023/BXD
6	Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054:2005
7	Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế	TCVN 13592 : 2022
8	Áo đường mềm – các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
9	Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39 : 2022/TCĐBVN
10	Tiêu chuẩn ống BTCT thoát nước	TCVN 9113:2012
11	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2018
12	Thoát nước mạng lưới bên ngoài và công trình – Yêu cầu thiết kế	TCVN 7957:2023
13	Tiêu chuẩn sơn tín hiệu giao thông vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo	TCVN 8791-2011

14	Màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ	TCVN 7887-2018
15	Thiết kế mẫu bó vỉa, vỉa hè, bồn cây xanh của Sở GTVT	Quyết định 1762/QĐ-SGTVT -18/6/2009
16	Tập bản vẽ kết cấu ngành giao thông công chánh và hướng dẫn thiết kế điển hình, thiết kế mẫu các loại cấu kiện thoát nước trên địa bàn thành phố	QĐ 1344/QĐ-SGTCC ngày 24/4/2003 và công văn 11437/SXD-HTKT ngày 19/9/2023
17	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN10:2024/BXD về xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng	QCVN10:2024
C	**TIÊU CHUẨN VỀ VẬT LIỆU, THÍ NGHIỆM, THI CÔNG VÀ NGHIỆM THU**	
	a. Tiêu chuẩn về vật liệu	
1	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	QCVN 16:2023/BXD
2	Cốt liệu cho bê tông và vữa – Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570:2006
3	Nước cho bê tông và vữa – Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506:2012
4	Ximăng Pooclăng	TCVN 2682:2020
5	Ximăng Pooclăng hỗn hợp	TCVN 6260:2020
6	Nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817:2011
7	Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thí nghiệm vật liệu nhựa đường	TCVN 8818:2011
8	Bê tông nhựa – phương pháp thử	TCVN 8860:2011
9	Thép cốt bê tông – Thép thanh tròn trơn và thép thanh vằn	TCVN 1651-1:2018 TCVN 1651-2:2018
10	Lớp phủ mạ kẽm nhúng nóng trên bề mặt sản phẩm gang và thép – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 5408:2007
11	Thép hình cán nóng – Phần 1; phần 2; phần 5; phần 11; phần 15; phần 16.	TCVN 7571-1:2019 TCVN 7571-2:2019 TCVN 7571-5:2019 TCVN 7571-11:2019 TCVN 7571-15:2019 TCVN 7571-16:2019
12	Nắp hố ga, song chắn rác bằng gang	BS EN 124-2:2015

13	Cốt liệu cho bê tông và vữa – Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570:2006
14	Nước cho bê tông và vữa – Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506:2012
15	Ximăng Pooclăng	TCVN 2682:2020
	b. Tiêu chuẩn về thi công – kiểm tra – giám sát chất lượng dự án	
	Phần đường	
1	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường – Thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2023
2	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng – Thi công và nghiệm thu	TCVN 13567:2022
3	Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 40:2022/TCĐBVN
4	Công tác đất – Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012
5	Công tác nền móng – Thi công và nghiệm thu	TCVN 9361:2012
6	Công tác hoàn thiện trong xây dựng – Thi công và nghiệm thu	TCVN 9377:2012
7	Nền đường ô tô – Thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2012
8	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các móng đường bằng vật liệu rời ngoài hiện trường	TCVN 8821:2011
9	Mặt đường ôtô – Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3m.	TCVN 8864:2011
10	Xác định độ nhám của mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
11	Xác định môđun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng.	TCVN 8861:2011
12	Xác định môđun đàn hồi bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011
13	Tổ chức thi công	TCVN 4055:2012
14	Tiêu chuẩn sơn tín hiệu giao thông vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo	TCVN 8791-2011
15	Màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ	TCVN 7887-2018
	Bêtông – BTCT	

1	Bê tông – yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN 8828:2011
2	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép – thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2019
3	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối – Qui phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4453:1995
D	**TIÊU CHUẨN VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ**	
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;	QCVN 06:2022/BXD
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện	QCVN 01:2020/BCT
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng	QCVN 18:2021/BXD
4	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với máy hàn điện và công việc hàn điện	QCVN 03: 2011/BLĐTBXH

Các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm và quy định hiện hành liên quan khác.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 19.850.000.000 *(Mười chín tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng)*.

- Trong đó:

+ Chi phí xây dựng:	17.529.208.536	đồng
+ Chi phí quản lý dự án:	438.071.088	đồng
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	1.516.041.859	đồng
+ Chi phí khác:	311.343.300	đồng
+ Chi phí dự phòng:	55.335.217	đồng
Tổng cộng:	**19.850.000.000**	đồng

12. Thời gian thực hiện dự án/giai đoạn thực hiện dự án/phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (đối với dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư):

12.1 Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026 - 2028.

12.2 Giai đoạn thực hiện dự án

- Năm 2026: Giai đoạn chuẩn bị đầu tư và hoàn thiện thủ tục

+ Thực hiện công tác khảo sát, lập, trình thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

+ Thực hiện công tác khảo sát, lập, trình thẩm định và phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

+ Thiết kế bản vẽ thi công và lập dự toán công trình; trình phê duyệt hồ sơ thiết kế và dự toán.

+ Lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị thi công, giám sát.

+ Hoàn thiện các thủ tục pháp lý để đủ điều kiện khởi công công trình.

- Năm 2027: Giai đoạn thực hiện đầu tư

+ Tập trung triển khai thi công xây dựng toàn bộ các hạng mục (mặt đường, hệ thống thoát nước).

+ Giám sát chất lượng và tiến độ để đảm bảo hoàn thành công tác xây lắp ngay trong năm.

- Năm 2028: Kết thúc đầu tư và Quyết toán

+ Tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình và đưa vào sử dụng.

+ Thực hiện công tác thanh toán, quyết toán dự án theo đúng quy định.

12.3 Phân kỳ đầu tư: Dự án không thực hiện phân kỳ đầu tư và không chia thành các dự án thành phần. Toàn bộ các hạng mục của dự án được triển khai đồng bộ, tập trung nguồn vốn để hoàn thành trong giai đoạn 2026 – 2028.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trì kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu.

- Dự kiến bố trì kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án:

+ Năm 2026 – 2027: 19.000.000.000 đồng.

+ Năm 2028 : 850.000.000 đồng.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Dự án áp dụng hình thức Chủ đầu tư tổ chức quản lý dự án thông qua thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án, hoàn toàn phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 đối với Chủ đầu tư là cơ quan hành chính không chuyên trách; nhằm bảo đảm điều hành công tác thi công, giám sát dự án đúng tiến độ, chất lượng và tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Dự án Cải tạo, nâng cấp cụm hẻm 730/2, 730/98, 752 Lạc Long Quân; 58, 86/44, 86/52 Âu Cơ và các hẻm nhánh, phường Tân Hòa đầu tư theo hiện trạng, không thực hiện giải phóng mặt bằng, bồi thường.

16. Các nội dung khác:

- Chủ đầu tư phối hợp các đơn vị có liên quan để giám sát cộng đồng theo Nghị định số 19/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ, quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

- Để bảo đảm tính khả thi và tiến độ triển khai thực hiện dự án, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân triển khai các nội dung sau trước khi khởi công dự án:

+ Công tác chuẩn bị mặt bằng, vận động hiến đất: Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân phường Tân Hòa; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các đoàn thể địa phương hoàn thiện công tác vận động, ghi nhận sự đồng thuận bằng văn bản của các hộ dân trong khu vực ảnh hưởng đối với việc hiến đất, dịch chuyển vật kiến trúc, nhận bàn giao mặt bằng trước khi tổ chức thi công (nếu có).

+ Đồng bộ hạ tầng kỹ thuật: Chủ động thông báo, phối hợp đồng bộ và chặt chẽ với các đơn vị quản lý hạ tầng kỹ thuật liên quan (điện lực, viễn thông, cấp thoát nước...) để xử lý dứt điểm các vị trí giao cắt (nếu có) trước khi thảm mặt đường; tổ chức thi công đồng bộ, bảo đảm mỹ quan đô thị và chất lượng tái lập mặt đường, tuyệt đối tránh tình trạng đào đường nhiều lần gây lãng phí.

+ Trách nhiệm hồ sơ: Chịu trách nhiệm hoàn toàn các số liệu khảo sát của công trình phải được các đơn vị tư vấn nghiêm túc kiểm tra, đối chiếu thực tế tại hiện trường với hồ sơ thiết kế trước và trong suốt quá trình thi công; kịp thời đề xuất biện pháp xử lý khi có chênh lệch nhằm bảo đảm kết nối đồng bộ, thuận tiện trong quá trình khai thác sử dụng, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng, an toàn công trình và tiết kiệm chi phí đầu tư.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Đề nghị Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân lưu ý thực hiện các nội dung theo Công văn số 577 /KTHTĐT ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị về thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án Cải tạo, nâng cấp cụm hẻm 730/2, 730/98, 752 Lạc Long Quân; 58, 86/44, 86/52 Âu Cơ và các hẻm nhánh, phường Tân Hòa.

1. Trách nhiệm Chủ đầu tư trong quản lý và triển khai dự án.

- **Tuân thủ trình tự pháp lý và khởi công:** Tổ chức triển khai các bước tiếp theo của dự án tuân thủ nghiêm túc trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng được quy định tại Luật Xây dựng số 135/2025/QH15, Nghị định số 217/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan. Chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định về điều kiện khởi công xây dựng theo Điều 48 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15.

- **Tính chính xác và tính pháp lý của hồ sơ:** Đảm bảo tính trung thực, chuẩn xác của toàn bộ dữ liệu, số liệu trong hồ sơ trình duyệt; chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác của khối lượng bóc tách, việc áp dụng mã hiệu, đơn giá, định mức, chủng loại vật liệu và giá thiết bị. Tuyệt đối không để xảy ra tình trạng trùng lặp khối lượng đã thực hiện hoặc khối lượng thi công; quản lý và sử dụng vật liệu hợp lý nhằm chống thất thoát, lãng phí ngân sách Nhà nước.

- **Quản lý chi phí, giá trị dự toán và điều chỉnh:**

+ Quản lý chặt chẽ chi phí xây dựng, sử dụng giá trị Tổng mức đầu tư được phê duyệt làm cơ sở triển khai.

+ Giá trị dự toán và tổng dự toán công trình sau khi thẩm định chỉ được dùng làm cơ sở pháp lý để thực hiện các bước tiếp theo (bao gồm phê duyệt gói thầu, lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng); tuyệt đối không dùng giá trị này làm căn cứ thanh toán trực tiếp cho nhà thầu.

+ Tổ chức kiểm tra, rà soát chuẩn xác khối lượng trong dự toán trước khi phê duyệt dự toán gói thầu; kiểm soát chặt chẽ và quản lý toàn bộ chi phí này từ giai đoạn đấu thầu đến giai đoạn thi công xây dựng. Trong trường hợp phát sinh việc điều chỉnh dự toán xây dựng, phải tuân thủ quy định tại Điều 18 Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ.

- **Quản lý chi phí thiết bị:** Trước khi triển khai, có trách nhiệm xác định chính xác danh mục, quy cách, chủng loại và đặc tính kỹ thuật chi tiết của thiết bị trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị, phương tiện làm việc của cơ quan, đơn vị, thiết kế cơ sở và dự án đã được duyệt, bảo đảm tính tiết kiệm và đáp ứng nhu cầu thực tế. Đây là cơ sở để thẩm định, phê duyệt dự toán gói thầu mua sắm, lắp đặt vật tư thiết bị, tổ chức lựa chọn nhà thầu, kiểm tra, nghiệm thu và quyết toán công trình; tự chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ.

- **Quản lý chất lượng vật tư, thiết bị hiện trường:** Đảm bảo toàn bộ vật tư, thiết bị đưa vào công trình đáp ứng đúng yêu cầu của thiết kế đã được phê duyệt (trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền quyết định thay đổi, điều chỉnh). Đồng thời, phối hợp với các bên liên quan kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình thi công xây lắp và lắp đặt thiết bị tại hiện trường.

- **Đồng bộ hạ tầng và phối hợp thực hiện:** Chỉ đạo đơn vị tư vấn thiết kế bảo đảm tính phù hợp, kết nối đồng bộ, hoàn chỉnh giữa hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của đô thị và hiện hữu trong khu vực. Chủ động phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành, các đơn vị quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật, và các chủ đầu tư dự án có ảnh hưởng đến công trình từ giai đoạn thi công đến khi kết thúc dự án.

- **An toàn lao động và vệ sinh môi trường:** Thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ công tác đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và quy trình lắp dựng cấu kiện, giàn giáo,... trong suốt quá trình thi công. Đảm bảo an toàn tuyệt đối kỹ thuật, không để xảy ra sụt lở hoặc gây ảnh hưởng bất lợi đến công trình đang xây dựng cũng như các công trình lân cận.

- **Giám sát đầu tư và chế độ báo cáo:** Tổ chức thực hiện đầy đủ công tác giám sát, đánh giá đầu tư và Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng nhằm đảm bảo tiến độ và hiệu quả đầu tư. Kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định đối với những thay đổi, vướng mắc vượt thẩm quyền phát sinh trong quá trình thực hiện. Mọi sự thay đổi cần phải được trình duyệt bổ sung theo đúng quy định.

2. Trách nhiệm của Nhà thầu Tư vấn và các đơn vị liên quan.

- **Trách nhiệm về hồ sơ sản phẩm:** Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý của ranh giới đất, ranh giới công trình; tính chính xác của số liệu khảo sát, giải pháp thiết kế, dự toán tổng mức đầu tư cũng như các hồ sơ, tài liệu khác đã trình thẩm định.

- **Tính độc lập về trách nhiệm chất lượng:** Nhà thầu tư vấn thiết kế chịu trách nhiệm về chất lượng thiết kế xây dựng do mình thực hiện. Việc thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế của cá nhân, cơ quan chuyên môn về xây dựng, người quyết định đầu tư không thay thế và không làm giảm trách nhiệm của nhà thầu tư vấn thiết kế.

- **Trách nhiệm của các đơn vị phối hợp:** Nhà thầu thẩm tra thiết kế và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về phần công việc do mình thực hiện. Đơn vị tư vấn có trách nhiệm tiếp thu, hoàn thiện các lưu ý kỹ thuật (nếu có) nêu tại thông báo thẩm định.

3. Công tác phê duyệt, lưu trữ hồ sơ và quản lý chất lượng.

- **Quản lý chất lượng công trình và an toàn:** Tuân thủ nghiêm túc các quy định về quản lý chất lượng công trình đối với từng chủ thể tại Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ và đảm bảo an toàn thi công xây dựng theo quy chuẩn QCVN 18:2021/BXD.

- **Quy trình đóng dấu hồ sơ:**

+ Thực hiện đóng dấu phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo đúng khoản 5 Điều 39 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ.

- **Lưu trữ và cung cấp hồ sơ:** Thực hiện lưu trữ hồ sơ theo quy định pháp luật về lưu trữ; đáp ứng kịp thời, đầy đủ yêu cầu kiểm tra, xem xét của cơ quan chuyên môn về xây dựng khi cần theo quy định tại khoản 9 Điều 36 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ.

- Nghiệm thu, kiểm định và quyết toán công trình:

+ Chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng và khối lượng công trình. Khối lượng được quyết toán căn cứ theo thực tế thi công thực tế và phải có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định tài chính hiện hành, nhưng đảm bảo không vượt quá tổng mức đầu tư của dự án được duyệt.

+ Chủ đầu tư có trách nhiệm tiến hành kiểm định chất lượng công trình, kết cấu chịu lực công trình.

+ Chủ đầu tư, đơn vị thi công xây lắp và đơn vị mua sắm lắp đặt trang thiết bị công trình có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu theo đúng tinh thần của Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025, Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ và các văn bản pháp lý hiện hành khác.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Kho bạc nhà nước Khu vực II – Trưởng phòng Phòng Giao dịch số 7 và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- TT. ĐU/P;
- TT. HĐND/P;
- TT. UBND/P (CT, các PCT);
- TH/ĐT;
- Lưu: VT, KTHTĐT (N Khang).

CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG TÂN HÒA T.P HỒ CHÍ MINH

Lê Thị Thu Sương